HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH QUYỀN KHU HÀNH CHÍNH ĐẶC BIỆT HỒNG KÔNG CỦA NƯỚC CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA

VỀ

TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

VÀ

NGĂN NGỪA VIỆC TRỐN LẬU THUẾ

ĐỐI VỚI CÁC LOẠI THUẾ ĐÁNH VÀO THU NHẬP

Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa,

Mong muốn ký kết một Hiệp định về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập,

Đã thoả thuận dưới đây:

Điều 1
Phạm vi áp dụng

Hiệp định này áp dụng đối với các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Bên ký kết.

Điều 2
Các loại thuế bao gồm trong Hiệp định

1. Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do một Bên ký kết đánh vào thu nhập, bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2. Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập, hoặc những phần của thu nhập, bao gồm các loại thuế đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản, các loại thuế đánh trên tổng số tiền lương hoặc tiền công do doanh nghiệp trả, cũng như các loại thuế đánh trên phần giá trị tài sản tăng thêm đều được coi là thuế đánh vào thu nhập.

3. Các loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này là:

   (a) trong trường hợp của Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông:

      (i) thuế lợi nhuận;

      (ii) thuế tiền lương; và

      (iii) thuế tài sản,

      bất kể có được thu theo việc tính thuế của cá nhân hay không;

   (b) trong trường hợp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

      (i) thuế thu nhập doanh nghiệp; và

(ii) thuế thu nhập cá nhân.

4. Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng đối với bất kỳ các loại thuế nào có tính chất tương tự hoặc về cơ bản giống như các loại thuế trên được ban hành sau ngày ký Hiệp định này để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế hiện hành, cũng như bất kỳ các loại thuế nào khác được liệt kê trong phạm vi các khoản 1 và 2 của Điều này mà một Bên Ký kết có thể đánh trong tương lai. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Bên ký kết sẽ thông báo cho nhau những thay đổi quan trọng trong các luật thuế của từng Bên.

5. Các loại thuế hiện hành, cùng với các loại thuế được đánh sau khi ký Hiệp định này, dưới đây theo thứ tự được gọi là "thuế Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông" và "thuế Việt Nam".

Điều 3
Các định nghĩa chung

1. Theo nội dung của Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác:

(a) (i) thuật ngữ "Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông" có nghĩa là Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa;

(ii) thuật ngữ "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khi dùng theo nghĩa địa lý, thuật ngữ này có nghĩa là lãnh thổ đất liền, các hải đảo, nội thuỷ, lãnh hải và vùng trời phía trên đó, vùng biển ngoài lãnh hải, bao gồm cả đáy biển và lòng đất dưới đáy biển mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán phù hợp với pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế;

(b) thuật ngữ "công ty" để chỉ các tổ chức công ty hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là tổ chức công ty dưới giác độ thuế;

(c) thuật ngữ "nhà chức trách có thẩm quyền" có nghĩa là:

(i) trong trường hợp đối với Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông, là Tổng cục trưởng Tổng cục thu nội địa hoặc người đại diện được uỷ quyền của Tổng cục trưởng hoặc bất kỳ đối tượng hoặc tổ chức nào được uỷ quyền để thực hiện bất kỳ chức năng nào

có thể được thực hiện bởi Tổng cục trưởng tại thời điểm đó hoặc các chức năng tương tự;

(ii) trong trường hợp đối với Việt Nam, là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được uỷ quyền của Bộ trưởng;

(d) thuật ngữ "Bên ký kết" có nghĩa là Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông hoặc Việt Nam tuỳ ngữ cảnh đòi hỏi;

(e) thuật ngữ "doanh nghiệp của một Bên ký kết" và "doanh nghiệp của Bên ký kết kia" theo thứ tự có nghĩa là một doanh nghiệp được điều hành bởi một đối tượng cư trú của một Bên ký kết và một doanh nghiệp được điều hành bởi một đối tượng cư trú của Bên ký kết kia;

(f) thuật ngữ "vận tải quốc tế" có nghĩa là bất kỳ sự vận chuyển nào bằng tàu thuỷ hoặc máy bay được thực hiện bởi một doanh nghiệp của một Bên ký kết, trừ trường hợp khi chiếc tàu thuỷ hoặc máy bay đó chỉ hoạt động giữa những địa điểm trong Bên ký kết kia;

(g) thuật ngữ "đối tượng mang quốc tịch", liên quan đến Việt Nam, có nghĩa là:

(i) bất kỳ cá nhân nào mang quốc tịch của Việt Nam; và

(ii) bất kỳ pháp nhân, công ty hợp danh hoặc hiệp hội nào có tư cách được chấp nhận theo các luật có hiệu lực tại Việt Nam;

(h) thuật ngữ "đối tượng" bao gồm một cá nhân, một công ty, một tín thác, một hợp danh và bất kỳ tổ chức nào khác của các đối tượng;

(i) thuật ngữ "thuế" có nghĩa là thuế Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông hoặc thuế Việt Nam tuỳ ngữ cảnh đòi hỏi.

2. Tại Hiệp định này, các thuật ngữ "thuế Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông" và "thuế Việt Nam" không bao gồm bất kỳ tiền phạt hoặc lãi từ tiền cho vay được quy định theo các luật có hiệu lực tại mỗi Bên ký kết liên quan đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng theo nghĩa của Điều 2.

3. Khi một Bên ký kết áp dụng Hiệp định này vào bất kỳ thời điểm nào, bất kỳ thuật ngữ nào chưa được định nghĩa tại Hiệp định này sẽ có nghĩa theo như định nghĩa tại luật của Bên đó đối với các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng vào thời điểm đó, bất kỳ nghĩa nào theo các luật thuế được áp

dụng của Bên đó sẽ có giá trị cao hơn nghĩa của thuật ngữ đó theo các luật khác của Bên đó, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác.

Điều 4
Đối tượng cư trú

1. Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Bên ký kết" có nghĩa là:

   (a) trong trường hợp đối với Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông,

      (i) bất kỳ cá nhân nào cư trú thông thường tại Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông;

      (ii) bất kỳ cá nhân nào ở tại Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông hơn 180 ngày trong một năm tính thuế hoặc hơn 300 ngày trong hai năm tính thuế liên tiếp mà một trong hai năm đó là năm tính thuế có liên quan;

      (iii) một công ty đăng ký thành lập tại Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông hoặc đang bị quản lý hoặc bị kiểm soát một cách thông thường tại Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông nếu đăng ký thành lập ngoài Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông;

      (iv) bất kỳ đối tượng nào được thành lập theo các luật của Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông hoặc đang bị quản lý hoặc bị kiểm soát một cách thông thường tại Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông nếu được thành lập ngoài Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông;

   (b) trong trường hợp đối với Việt Nam, bất kỳ đối tượng nào, mà theo các luật của Việt Nam, là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nhà ở, nơi cư trú, trụ sở đăng ký thành lập, trụ sở đăng ký, trụ sở điều hành hoặc các tiêu chuẩn khác có tính chất tương tự. Tuy nhiên, thuật ngữ này không bao gồm bất kỳ đối tượng nào là đối tượng chịu thuế tại Việt Nam chỉ đối với thu nhập từ các nguồn tại Việt Nam.

2. Trường hợp theo các quy định tại khoản 1, khi một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Bên ký kết, thì thân phận cư trú của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:

(a) cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Bên mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú; nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Bên, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Bên mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn ("trung tâm của các quyền lợi chủ yếu");

(b) nếu không thể xác định được Bên mà ở đó cá nhân đó có trung tâm của các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Bên, thì cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Bên mà cá nhân đó thường xuyên sống;

(c) nếu cá nhân đó thường xuyên sống ở cả hai Bên hoặc không thường xuyên sống ở Bên nào, thì cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Bên mà cá nhân đó có quyền cư trú (trong trường hợp đối với Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông) hoặc của Bên mà cá nhân đó là một đối tượng mang quốc tịch (trong trường hợp đối với Việt Nam);

(d) nếu cá nhân đó có quyền cư trú tại Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông và cũng là đối tượng mang quốc tịch của Việt Nam, hoặc không có quyền cư trú tại Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông và cũng không là đối tượng mang quốc tịch của Việt Nam, thì các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Bên ký kết sẽ giải quyết vấn đề bằng thoả thuận song phương.

3. Trường hợp do những quy định tại khoản 1, khi một đối tượng không phải là cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Bên ký kết, lúc đó các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Bên ký kết sẽ xác định đối tượng đó là đối tượng cư trú của một Bên ký kết theo nghĩa của Hiệp định này bằng thoả thuận song phương.

Điều 5
Cơ sở thường trú

1. Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" có nghĩa là một địa điểm kinh doanh cố định mà qua đó doanh nghiệp thực hiện toàn bộ hoặc một phần hoạt động kinh doanh của mình.

2. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" chủ yếu bao gồm:

(a) trụ sở điều hành;

(b) chi nhánh;

(c) văn phòng;

(d) nhà máy;

(e) xưởng;

(f) mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên nào khác;

(g) kho hàng, liên quan đến một đối tượng cung cấp các phương tiện lưu kho cho các đối tượng khác; và

(h) cấu trúc lắp đặt hoặc thiết bị được sử dụng để thăm dò các nguồn tài nguyên thiên thiên.

3. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" cũng bao gồm:

(a) một địa điểm xây dựng, dự án xây dựng, lắp ráp hoặc lắp đặt hoặc các hoạt động giám sát liên quan, nhưng chỉ khi địa điểm, dự án hoặc các hoạt động này kéo dài hơn sáu tháng;

(b) việc cung cấp các dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn do một doanh nghiệp thực hiện thông qua những người làm công hoặc những đối tượng khác được doanh nghiệp giao thực hiện các hoạt động trên, nhưng chỉ khi các hoạt động mang tính chất nêu trên kéo dài (trong cùng một dự án hoặc một dự án có liên quan) tại một Bên ký kết trong một giai đoạn hoặc nhiều giai đoạn gộp lại hơn 180 ngày trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng.

4. Mặc dù có các quy định trên của Điều này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" sẽ được coi là không bao gồm:

(a) việc sử dụng các phương tiện chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày hàng hoá của doanh nghiệp;

(b) việc duy trì kho hàng hoá của doanh nghiệp chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày;

(c) việc duy trì kho hàng hoá của doanh nghiệp chỉ với mục đích để cho doanh nghiệp khác gia công;

(d) việc duy trì một địa điểm kinh doanh cố định chỉ với mục đích mua hàng hoá hoặc để thu thập thông tin cho doanh nghiệp;

(e) việc duy trì một địa điểm kinh doanh cố định chỉ với mục đích tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác mang tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ cho doanh nghiệp.

5. Mặc dù có những quy định tại các khoản 1 và 2, trường hợp một đối tượng - trừ đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 6 - hoạt động tại một Bên ký kết thay mặt cho một doanh nghiệp của Bên ký kết kia, doanh nghiệp đó sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Bên ký kết thứ nhất đối với các hoạt động mà đối tượng trên thực hiện cho doanh nghiệp, nếu đối tượng đó:

(a) có và thường xuyên thực hiện tại Bên ký kết thứ nhất thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên doanh nghiệp, trừ khi các hoạt động của đối tượng đó chỉ giới hạn trong phạm vi các hoạt động nêu tại khoản 4 mà những hoạt động đó nếu được thực hiện thông qua một địa điểm kinh doanh cố định thì sẽ không làm cho địa điểm kinh doanh cố định đó trở thành một cơ sở thường trú theo những quy định tại khoản đó; hoặc

(b) không có thẩm quyền trên, nhưng thường xuyên duy trì tại Bên thứ nhất một kho hàng hoá, qua đó đối tượng này thường xuyên thực hiện giao hàng hoá thay mặt cho doanh nghiệp.

6. Một doanh nghiệp sẽ không được coi là có một cơ sở thường trú tại một Bên ký kết chỉ vì doanh nghiệp đó chỉ thực hiện hoạt động kinh doanh tại Bên đó thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng, hoặc bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập, với điều kiện các đối tượng này hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của họ. Tuy nhiên, khi các hoạt động của đại lý đó dành toàn bộ hoặc hầu như toàn bộ thay mặt cho doanh nghiệp đó, và điều kiện được xác lập hoặc áp đặt giữa doanh nghiệp đó và đại lý đó trong quan hệ thương mại và quan hệ tài chính khác với điều kiện được tạo ra giữa các doanh nghiệp độc lập, đại lý đó sẽ không được coi là đại lý có tư cách độc lập theo nghĩa của khoản này.

7. Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Bên ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Bên ký kết kia hoặc tiến hành hoạt động kinh doanh tại Bên kia (có thể thông qua một cơ

sở thường trú hoặc dưới hình thức khác), sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

Điều 6
Thu nhập từ bất động sản

1. Thu nhập mà một đối tượng cư trú của một Bên ký kết thu được từ bất động sản (kể cả thu nhập từ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp) có tại Bên ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Bên kia.

2. Thuật ngữ "bất động sản" sẽ có nghĩa theo như luật của Bên ký kết nơi có bất động sản đó. Thuật ngữ này trong mọi trường hợp sẽ bao gồm cả những phần tài sản phụ kèm theo bất động sản, đàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền lợi được áp dụng theo như các quy định tại luật chung về điền sản, quyền sử dụng bất động sản và các quyền được hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc không cố định trả cho việc khai thác hoặc quyền khai thác các mỏ, nguồn khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác; các tàu thuỷ, thuyền và máy bay sẽ không được coi là bất động sản.

3. Các quy định tại khoản 1 sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê, hoặc sử dụng dưới bất kỳ hình thức nào khác của bất động sản.

4. Những quy định tại các khoản 1 và 3 cũng sẽ áp dụng đối với thu nhập từ bất động sản của một doanh nghiệp và đối với thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các dịch vụ cá nhân độc lập.

Điều 7
Lợi nhuận kinh doanh

1. Lợi nhuận của một doanh nghiệp của một Bên ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên đó, trừ trường hợp doanh nghiệp có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Bên ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Bên ký kết kia. Nếu doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp có thể bị đánh thuế tại Bên kia nhưng chỉ trên phần lợi nhuận phân bổ cho:

   (a) cơ sở thường trú đó;

   (b) việc bán tại Bên kia những hàng hoá cùng loại hoặc tương tự như những hàng hoá bán qua cơ sở thường trú đó; hoặc

(c) các hoạt động kinh doanh khác được thực hiện tại Bên kia cùng loại hoặc tương tự với những hoạt động được thực hiện thông qua cơ sở thường trú đó;

quy định rằng điểm (b) hoặc (c) sẽ không áp dụng nếu một doanh nghiệp có khả năng chứng minh rằng việc bán hàng hoá hoặc các hoạt động kinh doanh được thực hiện với các lý do không phải để đạt được các lợi ích của hiệp định.

2. Thể theo các quy định tại khoản 3, khi một doanh nghiệp của một Bên ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Bên ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Bên ký kết kia, thì tại mỗi Bên ký kết sẽ có những khoản lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở thường trú đó có thể thu được nếu nó là một doanh nghiệp riêng và tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động như nhau hoặc tương tự trong cùng các điều kiện như nhau hoặc tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với doanh nghiệp mà cơ sở đó được coi là cơ sở thường trú hoặc độc lập với các doanh nghiệp khác có quan hệ với cơ sở này.

3. Trong khi xác định lợi nhuận của một cơ sở thường trú, cơ sở này sẽ được phép khấu trừ các khoản chi phí phát sinh phục vụ cho mục đích kinh doanh của cơ sở thường trú này, bao gồm cả chi phí điều hành và chi phí quản lý chung cho dù chi phí đó phát sinh tại Bên nơi cơ sở thường trú đó đóng hoặc ở bất kỳ nơi nào khác. Tuy nhiên, sẽ không cho phép tính vào các khoản chi phí được trừ bất kỳ khoản tiền nào, nếu có, do cơ sở thường trú trả cho (trừ khi là khoản thanh toán các chi phí thực tế) trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào khác của doanh nghiệp dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản phí hoặc bất kỳ khoản thanh toán tương tự nào khác để được phép sử dụng bằng phát minh hoặc các quyền khác, hoặc dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hoặc trả cho công việc quản lý, hoặc dưới hình thức lãi tính trên tiền cho cơ sở thường trú vay, trừ trường hợp tiền lãi của tổ chức ngân hàng. Tương tự như vậy, khi xác định lợi nhuận của cơ sở thường trú sẽ không tính đến các khoản tiền (trừ các khoản tiền thanh toán các chi phí thực tế) do cơ sở thường trú thu từ trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào khác của doanh nghiệp, dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản phí hoặc các khoản thanh toán tương tự để cho phép sử dụng bằng phát minh hoặc các quyền khác, hoặc dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hoặc trả cho công việc quản lý, hoặc dưới hình thức lãi tính trên tiền cho trụ sở chính của doanh nghiệp

hoặc bất kỳ văn phòng nào của doanh nghiệp vay, trừ trường hợp lãi từ tiền cho vay của tổ chức ngân hàng.

4. Trường hợp tại một Bên ký kết vẫn thường xác định các khoản lợi nhuận được phân bổ cho một cơ sở thường trú trên cơ sở phân chia tổng các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp thành những phần khác nhau, không có nội dung nào tại khoản 2 ngăn cản Bên ký kết đó xác định lợi nhuận chịu thuế theo cách phân chia theo thông lệ trên; tuy nhiên, phương pháp phân chia được áp dụng như vậy phải đưa ra kết quả phù hợp với những nguyên tắc nêu tại Điều này.

5. Nếu thông tin sẵn có là không thoả đáng để cơ quan thuế của một Bên ký kết xác định lợi nhuận phân bổ cho cơ sở thường trú của một doanh nghiệp, không có quy định nào tại Điều này sẽ ảnh hưởng đến việc áp dụng bất kỳ luật nào của Bên ký kết đó liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế của một đối tượng với điều kiện là luật đó sẽ được áp dụng phù hợp với các nguyên tắc của Điều này, trong chừng mực mà thông tin sẵn có cho cơ quan thuế cho phép.

6. Theo nội dung các khoản trên, các khoản lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú sẽ được xác định theo cùng một phương pháp giữa các năm trừ khi có đủ lý do chính đáng để xác định theo phương pháp khác.

7. Khi lợi nhuận bao gồm các khoản thu nhập được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì các quy định của các Điều đó không bị ảnh hưởng bởi các quy định tại Điều này.

Điều 8
Vận tải biển và vận tải hàng không

1. Lợi nhuận do một doanh nghiệp của một Bên ký kết thu được từ hoạt động của tàu thuỷ hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ chịu thuế tại Bên ký kết đó.

2. Các quy định tại khoản 1 cũng sẽ áp dụng cho các khoản lợi nhuận từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hoặc một hãng hoạt động quốc tế.

Điều 9
Các doanh nghiệp liên kết

1. Khi

(a) một doanh nghiệp của một Bên ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của Bên ký kết kia; hoặc

(b) các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của một Bên ký kết và vào một doanh nghiệp của Bên ký kết kia,

và trong cả hai trường hợp, trong mối quan hệ thương mại hoặc tài chính giữa hai doanh nghiệp trên có những điều kiện được xác lập hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các doanh nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi nhuận mà một doanh nghiệp có thể thu được nếu không có các điều kiện trên, nhưng nay vì những điều kiện này mà doanh nghiệp đó không thu được, sẽ vẫn được tính vào các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp đó và bị đánh thuế tương ứng.

2. Khi một Bên ký kết tính vào các khoản lợi nhuận của một doanh nghiệp tại Bên đó - và đánh thuế tương ứng - các khoản lợi nhuận mà một doanh nghiệp tại Bên ký kết kia đã bị đánh thuế ở Bên kia và những khoản lợi nhuận được tính vào như vậy là những khoản lợi nhuận lẽ ra thuộc về doanh nghiệp tại Bên thứ nhất nếu như những điều kiện xác lập giữa hai doanh nghiệp trên là những điều kiện được xác lập giữa các doanh nghiệp độc lập, khi đó Bên kia sẽ điều chỉnh các khoản thuế tại Bên mình đối với các khoản lợi nhuận trên cho phù hợp. Trong khi xác định sự điều chỉnh trên sẽ xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này và vì mục đích này các nhà chức trách có thẩm quyền của các Bên ký kết sẽ tham khảo ý kiến của nhau khi cần thiết.

Điều 10
Tiền lãi cổ phần

1. Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Bên ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Bên ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Bên kia.

2. Tuy nhiên, các khoản tiền lãi cổ phần đó cũng có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú và theo các luật của Bên đó, nhưng nếu đối tượng thực hưởng tiền lãi cổ phần là đối tượng

cư trú của Bên ký kết kia thì thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần.

Khoản này sẽ không ảnh hưởng tới việc đánh thuế công ty đối với lợi nhuận dùng để chia lãi cổ phần.

3. Thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần hoặc các quyền khác, không phải các khoản nợ, được hưởng lợi nhuận, cũng như thu nhập từ các quyền lợi công ty khác cùng chịu sự điều chỉnh của chính sách thuế đối với thu nhập từ cổ phần theo các luật của Bên nơi công ty thực hiện phân chia là đối tượng cư trú.

4. Những quy định tại các khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng trong trường hợp đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của một Bên ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Bên ký kết kia nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Bên ký kết đó, hoặc tiến hành tại Bên kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Bên kia, và việc nắm giữ mà theo đó các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế đến cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp như vậy, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tuỳ từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Khi một công ty là đối tượng cư trú của một Bên ký kết nhận được lợi nhuận hoặc thu nhập phát sinh từ Bên ký kết kia, thì Bên kia có thể không đánh thuế đối với những khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp các khoản tiền lãi cổ phần này được trả cho một đối tượng cư trú của Bên kia hoặc việc nắm giữ mà theo đó các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định tại Bên kia, đồng thời Bên kia cũng không buộc các khoản lợi nhuận không chia của công ty trên phải chịu thuế đối với những khoản lợi nhuận không chia của công ty, cho dù các khoản tiền lãi cổ phần được chia hoặc các khoản lợi nhuận không chia bao gồm toàn bộ hoặc một phần các khoản lợi nhuận hoặc thu nhập phát sinh tại Bên kia.

Điều 11
Lãi từ tiền cho vay

1. Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Bên ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Bên ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Bên kia.

2. Tuy nhiên, khoản tiền lãi này cũng có thể bị đánh thuế ở Bên ký kết nơi phát sinh lãi và theo luật pháp của Bên đó, nhưng nếu đối tượng thực hưởng khoản tiền lãi này là đối tượng cư trú của Bên ký kết kia, thì mức thuế khi đó được tính sẽ không quá 10 phần trăm tổng số khoản lãi từ tiền cho vay.

3. Mặc dù đã có những quy định tại khoản 2 của Điều này,

(a) lãi từ tiền cho vay phát sinh tại Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông sẽ được miễn thuế tại Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông nếu lãi từ tiền cho vay này được trả cho:

(i) Chính phủ của Việt Nam;

(ii) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

(iii) Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam;

(iv) tổ chức tài chính khác mà toàn bộ vốn của tổ chức này thuộc sở hữu của Chính phủ Việt Nam;

(v) tổ chức tài chính do Chính phủ Việt Nam chỉ định và được các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Bên ký kết thoả thuận song phương;

(b) lãi từ tiền cho vay phát sinh tại Việt Nam sẽ được miễn thuế tại Việt Nam nếu lãi từ tiền cho vay này được trả cho:

(i) Chính quyền của Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông;

(ii) Cơ quan Tiền tệ Hồng Kông;

(iii) tổ chức tài chính do Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông chỉ định và được các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Bên ký kết thoả thuận song phương.

4. Thuật ngữ "lãi từ tiền cho vay" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ hình thức nào, có hoặc không được đảm bảo bằng thế chấp, và có hoặc không có quyền được hưởng lợi nhuận của người đi vay, và đặc biệt là khoản thu nhập từ chứng khoán do Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông hoặc do Chính phủ Việt Nam phát hành và thu nhập từ trái phiếu hoặc trái phiếu công ty, bao

gồm cả tiền thưởng và giải thưởng đi liền với các chứng khoán, trái phiếu hoặc trái phiếu công ty đó. Các khoản phạt trả chậm sẽ không được coi là lãi từ tiền cho vay theo quy định của Điều này.

5. Những quy định tại các khoản 1, 2 và 3 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản lãi từ tiền cho vay là Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông hoặc Chính phủ Việt Nam hoặc là đối tượng cư trú của một Bên ký kết đó tiến hành hoạt động kinh doanh tại Bên ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay, thông qua một cơ sở thường trú tại Bên kia, hoặc thực hiện tại Bên kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Bên kia và khoản nợ có các khoản lãi từ tiền cho vay được trả có sự liên hệ thực tế với (a) cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó, hoặc với (b) các hoạt động kinh doanh nêu tại điểm (c) khoản 1 Điều 7. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

6. Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Bên ký kết khi người trả là Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông hoặc Chính phủ Việt Nam hoặc là đối tượng cư trú của một Bên ký kết đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi, cho dù đối tượng đó là Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông hoặc Chính phủ Việt Nam hoặc là đối tượng cư trú của một Bên ký kết đó hay không, có ở một Bên ký kết một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định liên quan đến các khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi này, và khoản tiền lãi đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng có là đối tượng cư trú của một Bên ký kết hay không, khoản tiền lãi này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Bên nơi có cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó.

7. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng lãi hoặc giữa cả hai đối tượng trên và các đối tượng khác, khoản lãi từ tiền cho vay liên quan đến khoản cho vay có số tiền lãi được trả, vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ này, thì khi đó, các quy định tại Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Bên ký kết có xem xét tới các quy định khác của Hiệp định này.

Điều 12
Tiền bản quyền

1. Tiền bản quyền phát sinh tại một Bên ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Bên ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Bên kia.

2. Tuy nhiên, các khoản tiền bản quyền đó cũng có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết nơi phát sinh tiền bản quyền và theo các luật của Bên đó, nhưng nếu người thực hưởng tiền bản quyền đó là đối tượng cư trú của Bên ký kết kia thì mức thuế được tính sẽ không vượt quá:

   (a) 7 phần trăm tổng số tiền bản quyền nếu số tiền này được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bất kỳ bằng phát minh, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật nào;

   (b) 10 phần trăm tổng số tiền bản quyền trong tất cả các trường hợp khác.

3. Thuật ngữ "tiền bản quyền" được sử dụng tại Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bất kỳ bản quyền tác giả nào của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hoặc khoa học, kể cả phim điện ảnh, hoặc các loại phim hoặc băng dùng cho phát thanh hoặc truyền hình, bất kỳ bằng phát minh, nhãn hiệu thương mại, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật, hoặc trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng thiết bị công nghiệp, thương mại hoặc khoa học hoặc trả cho thông tin liên quan đến các kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hoặc khoa học.

4. Những quy định tại các khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền bản quyền là Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông hoặc Chính phủ Việt Nam hoặc là đối tượng cư trú của một Bên ký kết đó tiến hành hoạt động kinh doanh tại Bên ký kết kia nơi có khoản tiền bản quyền phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Bên ký kết kia, hoặc tiến hành tại Bên kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định có tại Bên kia, và quyền hoặc tài sản có các khoản tiền bản quyền được trả có sự liên hệ thực tế với (a) cơ sở thường trú hoặc với cơ sở cố định đó, hoặc (b) các hoạt động kinh doanh được nêu tại điểm (c) khoản 1 Điều 7. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Tiền bản quyền sẽ được coi là phát sinh tại một Bên ký kết khi đối tượng trả tiền bản quyền là Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông

hoặc Chính phủ Việt Nam hoặc là đối tượng cư trú của một Bên ký kết đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả tiền bản quyền, cho dù đối tượng đó là Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông hoặc Chính phủ Việt Nam hoặc là đối tượng cư trú của một Bên ký kết đó hay không, có ở một Bên ký kết một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả tiền bản quyền đã phát sinh và tiền bản quyền đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì khoản tiền bản quyền này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Bên nơi có cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó.

6. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản tiền bản quyền được trả cho việc sử dụng, quyền hoặc thông tin có số tiền bản quyền được trả, vượt quá khoản tiền được thoả thuận giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ vẫn bị đánh thuế theo các luật của từng Bên ký kết có xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này.

Điều 13
Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản

1. Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Bên ký kết nhận được từ chuyển nhượng bất động sản được nêu tại Điều 6 và có tại Bên ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Bên kia.

2. Thu nhập từ chuyển nhượng động sản là một phần của tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một doanh nghiệp của một Bên ký kết có tại Bên ký kết kia, hoặc động sản thuộc một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Bên ký kết có ở Bên ký kết kia để tiến hành hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập, kể cả thu nhập từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú đó (chuyển nhượng riêng cơ sở thường trú đó hoặc cùng với toàn bộ doanh nghiệp) hoặc cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Bên kia.

3. Thu nhập do một doanh nghiệp của một Bên ký kết nhận được từ việc chuyển nhượng tàu thuỷ hoặc máy bay hoạt động trong vận tải quốc tế hoặc từ chuyển nhượng động sản gắn liền với việc hoạt động của các tàu thuỷ hoặc máy bay đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên đó.

4. Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Bên ký kết nhận được từ việc chuyển nhượng các cổ phần hoặc sự tham gia có thể so sánh được trong

một công ty, có tài sản bao gồm, trực tiếp hoặc gián tiếp, chủ yếu là bất động sản nằm tại Bên ký kết kia, có thể bị đánh thuế tại Bên kia.

5. Thu nhập thu được từ việc chuyển nhượng các cổ phần không phải là các cổ phần được đề cập tới tại khoản 4, không ít hơn 15 phần trăm (%) toàn bộ vốn cổ phần trong một công ty là đối tượng cư trú của một Bên ký kết có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết đó.

6. Thu nhập từ chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với tài sản nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên ký kết nơi đối tượng chuyển nhượng là đối tượng cư trú.

Điều 14
Dịch vụ cá nhân độc lập

1. Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Bên ký kết thu được từ các dịch vụ ngành nghề hoặc các hoạt động khác có tính chất độc lập sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên đó trừ các trường hợp dưới đây, khi đó các khoản thu nhập đó cũng có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết kia:

   (a) nếu đối tượng đó thường xuyên có tại Bên ký kết kia một cơ sở cố định để thực hiện các hoạt động này; trong trường hợp đó, chỉ phần thu nhập phân bổ cho cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết kia; hoặc

   (b) nếu đối tượng đó có mặt tại Bên ký kết kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại đến hoặc vượt quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng liên tục bắt đầu hoặc kết thúc trong năm tài chính có liên quan; trong trường hợp đó, chỉ phần thu nhập phát sinh từ các hoạt động của đối tượng đó được thực hiện tại Bên kia có thể bị đánh thuế tại Bên kia.

2. Thuật ngữ "dịch vụ ngành nghề" bao gồm chủ yếu các hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hoặc giảng dạy mang tính chất độc lập cũng như các hoạt động độc lập của các thầy thuốc, luật sư, kỹ sư, kiến trúc sư, nha sĩ và kế toán viên.

Điều 15
Dịch vụ cá nhân phụ thuộc

1. Thể theo những quy định tại các Điều 16, 18, 19 và 20, các khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của Bên ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên đó, trừ khi công việc của đối tượng đó được thực hiện tại Bên ký kết kia. Nếu lao động làm công được thực hiện như vậy, số tiền công trả cho lao động đó có thể bị đánh thuế tại Bên kia.

2. Mặc dù có những quy định tại khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Bên ký kết thu được từ lao động làm công tại Bên ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên thứ nhất nếu:

   (a) người nhận tiền công hiện có mặt tại Bên kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng liên tục bắt đầu hoặc kết thúc trong năm tài chính có liên quan; và

   (b) chủ lao động hay đối tượng đại diện chủ lao động trả tiền công lao động không phải là đối tượng cư trú tại Bên kia; và

   (c) số tiền thù lao không phải phát sinh tại một cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định mà chủ lao động có tại Bên kia.

3. Mặc dù có những quy định trên của Điều này, tiền công thu được từ lao động làm trên tàu thuỷ hoặc máy bay do một doanh nghiệp của một Bên ký kết điều hành trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên đó.

Điều 16
Thù lao giám đốc

Các khoản thù lao cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Bên ký kết nhận được với tư cách là thành viên của ban giám đốc của một công ty là đối tượng cư trú của Bên ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Bên kia.

Điều 17
Nghệ sĩ và vận động viên

1. Mặc dù có những quy định tại các Điều 14 và 15, thu nhập của một đối tượng cư trú của một Bên ký kết thu được với tư cách người biểu diễn như

diễn viên sân khấu, diễn viên điện ảnh, nghệ sĩ phát thanh hoặc truyền hình, hoặc nhạc công, hoặc với tư cách là vận động viên từ những hoạt động cá nhân của mình thực hiện tại Bên ký kết kia, có thể bị đánh thuế ở Bên kia.

2. Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên, mà trả cho một đối tượng khác thì thu nhập này có thể bị đánh thuế tại Bên ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên, mặc dù đã có những quy định tại các Điều 7, 14 và 15.

3. Mặc dù đã có những quy định tại các khoản 1 và 2, thu nhập do các nghệ sĩ hoặc vận động viên là đối tượng cư trú của một Bên ký kết thu được từ các hoạt động trình diễn tại Bên ký kết kia theo một chương trình trao đổi văn hoá giữa Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông hoặc Chính phủ Việt Nam sẽ được miễn thuế tại Bên ký kết kia.

Điều 18
Tiền lương hưu

1. Thể theo các quy định tại khoản 2 Điều 19, tiền lương hưu và các khoản thù lao tương tự khác (kể cả số tiền thanh toán một lần) được trả cho một đối tượng cư trú của một Bên ký kết do việc làm công hoặc tự - làm công trước đây sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên ký kết đó.

2. Mặc dù đã có những quy định tại khoản 1, tiền lương hưu và các khoản tiền thanh toán khác (kể cả số tiền thanh toán một lần) được trả theo một chương trình lương hưu hoặc về hưu mà là:

   (a) một chương trình công thuộc một phần của hệ thống bảo hiểm xã hội của một Bên ký kết; hoặc

   (b) một hình thức tổ chức mà các cá nhân có thể tham gia để bảo đảm có các lợi ích khi về hưu và được công nhận cho mục đích thuế tại một Bên ký kết,

   sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên ký kết đó.

Điều 19
Phục vụ Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông hoặc Chính phủ Việt Nam

1. (a) Tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác, trừ tiền lương hưu, do Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông hoặc Chính phủ Việt Nam trả cho một cá nhân đối với việc phục vụ cho Bên đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên đó.

(b) Tuy nhiên, khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác nêu trên sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên ký kết kia nếu việc phục vụ này được thực hiện tại Bên kia và cá nhân này là đối tượng cư trú của Bên kia, đồng thời:

(i) trong trường hợp của Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông, là đối tượng có quyền cư trú tại Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông và trong trường hợp của Việt Nam, là đối tượng mang quốc tịch của Việt Nam; hoặc

(ii) không trở thành đối tượng cư trú của Bên kia chỉ đơn thuần vì thực hiện những công việc trên.

2. (a) Bất kỳ khoản tiền lương hưu nào (kể cả số tiền thanh toán một lần) do Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông hoặc Chính phủ Việt Nam hoặc do các quỹ của Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông hoặc Chính phủ Việt Nam lập ra hoặc đóng góp trả cho một cá nhân đối với công việc phục vụ cho Bên đó sẽ chỉ bị đánh thuế ở Bên đó.

(b) Tuy nhiên, khoản tiền lương hưu này (kể cả số tiền thanh toán một lần) sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên ký kết kia nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của Bên kia và, trong trường hợp của Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông, là đối tượng có quyền cư trú tại Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông và trong trường hợp của Việt Nam, là đối tượng mang quốc tịch của Việt Nam, và khoản tiền lương hưu (kể cả số tiền thanh toán một lần) được trả cho các công việc được nêu tại điểm (b) khoản 1 của Điều này.

3. Những quy định của các Điều 15, 16, 17 và 18 sẽ áp dụng đối với những khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác và tiền lương hưu (kể cả số tiền thanh toán một lần) đối với các công việc

liên quan đến một hoạt động kinh doanh được tiến hành bởi Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông hoặc Chính phủ Việt Nam.

Điều 20
Sinh viên

1. Những khoản tiền mà một sinh viên hoặc thực tập sinh hoặc người học nghề nhận được để trang trải các khoản chi phí sinh hoạt, học tập hoặc đào tạo mà người sinh viên hoặc thực tập sinh hoặc người học nghề này ngay trước khi đến một Bên ký kết là đối tượng cư trú của Bên ký kết kia và hiện có mặt tại Bên thứ nhất chỉ với mục đích học tập hoặc đào tạo, sẽ không bị đánh thuế tại Bên đó, với điều kiện những khoản tiền đó có nguồn gốc từ bên ngoài Bên đó.

2. Mặc dù đã có các quy định tại Điều 15, khoản tiền thù lao trả cho các hoạt động dịch vụ do một sinh viên được đề cập đến tại khoản trước thực hiện tại một Bên ký kết sẽ không bị đánh thuế tại Bên đó, với điều kiện là các hoạt động dịch vụ như vậy có liên quan tới việc học tập của đối tượng đó.

Điều 21
Thu nhập khác

1. Các khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Bên ký kết, cho dù phát sinh ở đâu, chưa được đề cập đến tại những Điều trên của Hiệp định này, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Bên đó.

2. Các quy định tại khoản 1 sẽ không áp dụng đối với thu nhập, trừ thu nhập từ bất động sản được định nghĩa tại khoản 2 Điều 6, nếu đối tượng thực hưởng thu nhập là đối tượng cư trú của một Bên ký kết, có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Bên ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Bên kia hoặc thực hiện tại Bên kia những hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Bên kia, và quyền hoặc tài sản liên quan đến số thu nhập được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định như trên. Trong trường hợp như vậy những quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tuỳ từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

3. Mặc dù có những quy định tại các khoản 1 và 2, các khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Bên ký kết chưa được đề cập đến tại các Điều trên của Hiệp định này và phát sinh tại Bên ký kết kia cũng có thể bị đánh thuế tại Bên kia.

Điều 22
Các biện pháp xoá bỏ việc đánh thuế hai lần

1. (a) Trong trường hợp của Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông, căn cứ vào các quy định của luật pháp Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông liên quan đến việc cho phép khấu trừ vào thuế Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông số thuế đã nộp tại vùng thực hiện quyền thực thi pháp luật ngoài Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông (không ảnh hưởng đến những nguyên tắc chung của Điều này), số thuế Việt Nam đã nộp theo các luật của Việt Nam và phù hợp với Hiệp định này, cho dù là nộp trực tiếp hoặc bằng hình thức khấu trừ, đối với khoản thu nhập do một đối tượng là đối tượng cư trú của Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông nhận được từ các nguồn tại Việt Nam, sẽ được phép khấu trừ vào thuế Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông tính trên thu nhập đó, với điều kiện là số thuế được phép khấu trừ không vượt quá số thuế Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông tính trên khoản thu nhập đó phù hợp với các luật thuế của Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông.

   (b) Theo nội dung của khoản 1 (a) của Điều này, thuế thu nhập đã nộp tại Việt Nam sẽ được coi là bao gồm bất kỳ khoản thuế nào lẽ ra sẽ phải nộp với tính chất là thuế Việt Nam trong bất kỳ năm nào nhưng được miễn hoặc giảm thuế trong năm đó hoặc bất kỳ thời gian nào trong năm đó do việc áp dụng các quy định của luật Việt Nam về các ưu đãi thuế có thời hạn nhằm thúc đẩy đầu tư nước ngoài vì mục đích phát triển. Quy định của điểm này sẽ chỉ áp dụng trong thời hạn 10 năm từ ngày Hiệp định này có hiệu lực theo khoản 2 Điều 28.

2. (a) Trong trường hợp của Việt Nam, khi một đối tượng cư trú của Việt Nam nhận được thu nhập, lợi nhuận hoặc thu nhập từ chuyển nhượng tài sản mà theo các luật của Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông và phù hợp với Hiệp định này, có thể bị đánh thuế tại Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông, khi đó Việt Nam sẽ cho phép hưởng một khoản khấu trừ thuế đối với thu nhập, lợi nhuận hoặc thu nhập từ chuyển nhượng tài sản tương đương với số thuế đã nộp tại Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông. Tuy nhiên, số thuế được khấu trừ sẽ không vượt quá phần thuế đối với thu nhập, lợi nhuận hoặc thu nhập từ chuyển nhượng tài sản đó phân bổ trên thu nhập, lợi nhuận hoặc thu nhập từ chuyển nhượng tài sản có thể bị đánh thuế tại Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông, như đã được tính trước khi cho phép trừ.

(b) Trường hợp, phù hợp với bất kỳ quy định nào của Hiệp định này, thu nhập do một đối tượng cư trú của Việt Nam nhận được được miễn thuế tại Việt Nam, tuy nhiên, khi tính số thuế trên thu nhập còn lại, Việt Nam có thể tính đến khoản thu nhập được miễn đó.

3. Trường hợp một công ty là đối tượng cư trú của một Bên ký kết trả tiền lãi cổ phần cho một công ty là đối tượng cư trú của Bên ký kết kia và công ty nhận lãi cổ phần, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát không ít hơn 10 phần trăm (%) cổ phần của công ty trả tiền lãi cổ phần, khoản khấu trừ mà công ty là một đối tượng cư trú của Bên kia được quyền bao gồm khoản thuế do công ty trả tiền lãi cổ phần nộp đối với khoản lợi nhuận mà tiền lãi cổ phần phát sinh trên đó (nhưng không vượt quá tỷ lệ tương ứng của phần lợi nhuận trên đó khoản tiền lãi cổ phần phát sinh).

Điều 23
Không phân biệt đối xử

1. Các đối tượng, trong trường hợp của Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông, là đối tượng có quyền cư trú hoặc đã đăng ký thành lập hoặc được thành lập tại Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông, và trong trường hợp của Việt Nam, là đối tượng mang quốc tịch của Việt Nam, sẽ không phải chịu tại Bên ký kết kia bất kỳ chế độ thuế nào hoặc bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến chế độ thuế đó khác với hoặc nặng hơn chế độ thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang và có thể áp dụng cho những đối tượng có quyền cư trú hoặc đã đăng ký thành lập hoặc được thành lập tại Bên kia (khi Bên đó là Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông), hoặc những đối tượng mang quốc tịch của Bên kia (khi Bên đó là Việt Nam), trong cùng những hoàn cảnh như nhau, đặc biệt là trên phương diện cư trú.

2. Chế độ thuế áp dụng đối với một cơ sở thường trú của một doanh nghiệp của một Bên ký kết có tại Bên ký kết kia sẽ không kém thuận lợi hơn tại Bên kia so với chế độ thuế áp dụng cho các doanh nghiệp của Bên kia cùng tiến hành các hoạt động tương tự.

3. Trừ trường hợp áp dụng những quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 7 Điều 11, khoản 6 Điều 12, lãi từ tiền cho vay, tiền bản quyền và các khoản thanh toán khác do một doanh nghiệp của một Bên ký kết trả cho đối tượng cư trú của Bên ký kết kia khi xác định các khoản lợi nhuận chịu thuế của doanh nghiệp đó sẽ được tính vào chi phí theo cùng các điều kiện như các khoản đó được trả cho đối tượng cư trú của Bên thứ nhất.

4. Các doanh nghiệp của một Bên ký kết có toàn bộ hoặc một phần vốn do một hoặc nhiều đối tượng cư trú của Bên ký kết kia sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp, sẽ không phải chịu tại Bên thứ nhất bất kỳ chế độ thuế hoặc yêu cầu liên quan đến chế độ thuế đó khác với hoặc nặng hơn chế độ thuế và những yêu cầu liên quan hiện đang hoặc có thể được áp dụng cho các doanh nghiệp tương tự khác của Bên thứ nhất.

5. Không có nội dung nào của Điều này sẽ được giải thích là buộc một Bên ký kết cho phép các đối tượng cư trú của Bên ký kết kia hưởng bất kỳ khoản giảm trừ cá nhân, miễn và giảm dưới giác độ thuế mà Bên ký kết đó cho các đối tượng cư trú của mình hưởng vì tư cách công dân hoặc các trách nhiệm đối với gia đình.

6. Mặc dù có những quy định tại Điều này, cho tới khi Việt Nam tiếp tục cấp giấy phép cho các nhà đầu tư theo Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt Nam, trong đó quy định hình thức thuế mà nhà đầu tư sẽ phải chịu, khi đó, việc áp dụng hình thức thuế đó sẽ không được coi là vi phạm các điều khoản tại khoản 2 và 4 của Điều này.

Điều 24
Thủ tục thoả thuận song phương

1. Trường hợp một đối tượng nhận thấy rằng việc giải quyết của một hoặc cả hai Bên ký kết làm cho hoặc sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng với những quy định của Hiệp định này, đối tượng này có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền của Bên ký kết mà đối tượng đó là đối tượng cư trú, hoặc nếu trường hợp của đối tượng đó thuộc khoản 1 Điều 23, với nhà chức trách có thẩm quyền của Bên ký kết nơi đối tượng đó có quyền cư trú hoặc đã đăng ký thành lập hoặc được thành lập (trong trường hợp của Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông), hoặc là đối tượng mang quốc tịch (trong trường hợp của Việt Nam), mặc dù trong nội luật của hai Bên đã quy định về chế độ xử lý khiếu nại. Trường hợp đó phải được giải trình trong thời hạn 3 năm kể từ lần thông báo giải quyết đầu tiên dẫn đến chế độ thuế áp dụng không đúng với những quy định của Hiệp định này.

2. Nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng, nếu như việc khiếu nại là hợp lý và nếu bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thỏa đáng, phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Bên ký kết kia để cùng giải quyết trường hợp khiếu nại bằng thỏa thuận chung, nhằm mục đích tránh đánh thuế không phù hợp với nội dung của Hiệp định này. Mọi

thỏa thuận đạt được sẽ được thực hiện không căn cứ vào những giới hạn thời gian ghi trong nội luật của hai Bên ký kết.

3. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Bên ký kết sẽ cùng nhau cố gắng giải quyết mọi khó khăn hoặc vướng mắc nảy sinh trong quá trình giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Bên cũng có thể trao đổi với nhau nhằm xoá bỏ việc đánh thuế hai lần trong các trường hợp không được quy định tại Hiệp định.

4. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Bên ký kết có thể liên hệ trực tiếp với nhau, bao gồm cả việc liên hệ thông qua một uỷ ban chung gồm các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Bên ký kết hoặc đại diện của nhà chức trách có thẩm quyền, nhằm mục đích đạt được một thoả thuận theo nội dung những khoản trên đây.

Điều 25
Trao đổi thông tin

1. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Bên ký kết sẽ trao đổi với nhau những thông tin cần thiết cho việc thực hiện những quy định của Hiệp định này hoặc nội luật của các Bên ký kết liên quan đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng để sao cho việc đánh thuế theo nội luật không trái với Hiệp định này cũng như để ngăn ngừa việc trốn thuế liên quan đến các loại thuế đó. Mọi thông tin do một Bên ký kết nhận được sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo nội luật của Bên này và thông tin đó sẽ chỉ được cung cấp cho các đối tượng hoặc các cơ quan chức năng (bao gồm cả tòa án và các cơ quan hành chính) có liên quan đến việc tính toán hoặc thu, cưỡng chế hoặc truy tố hoặc xác định các khiếu nại về các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng. Các đối tượng hoặc các cơ quan chức năng này sẽ chỉ sử dụng các thông tin đó vào các mục đích nêu trên. Các đối tượng và các cơ quan đó có thể cung cấp các thông tin này trong quá trình tố tụng công khai của tòa án, hoặc trong các quyết định của tòa án, bao gồm, trong trường hợp của Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông, là quyết định của Uỷ ban Thẩm tra lại. Thông tin sẽ không được cung cấp cho bất kỳ Uỷ ban có quyền tài phán thứ ba nào với bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý của Bên ký kết cung cấp thông tin ban đầu.

2. Không có trường hợp nào mà những quy định tại khoản 1 được giải thích là buộc một Bên ký kết có nghĩa vụ:

   (a) thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp hoặc thông lệ về quản lý hành chính của Bên ký kết đó hoặc của Bên ký kết kia;

(b) cung cấp các thông tin không thể tiết lộ được theo các luật hoặc theo như quá trình quản lý hành chính thông thường của Bên ký kết đó hoặc của Bên ký kết kia;

(c) cung cấp các thông tin có thể làm tiết lộ bí mật về mua bán, kinh doanh, công nghiệp, thương mại hoặc bí mật nghề nghiệp hoặc các quy trình kinh doanh, hoặc cung cấp các thông tin mà việc tiết lộ chúng có thể trái với chính sách nhà nước.

Điều 26
Thành viên của các phái đoàn Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông hoặc Chính phủ Việt Nam

Không nội dung nào tại Hiệp định này ảnh hưởng đến các ưu đãi về thuế của các thành viên của các phái đoàn Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông hoặc Chính phủ Việt Nam, kể cả cơ quan lãnh sự theo các nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế hoặc các quy định tại các hiệp định đặc biệt.

Điều 27
Các quy định khác

Không có quy định nào tại Hiệp định này sẽ gây tổn hại về quyền áp dụng nội luật và các biện pháp liên quan đến tránh thuế của mỗi Bên ký kết, cho dù có được đề cập như vậy hay không.

Điều 28
Hiệu lực

1. Mỗi Bên ký kết sẽ thông báo cho Bên kia biết bằng văn bản việc hoàn tất các thủ tục theo yêu cầu của luật pháp bên mình để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày nhận được thông báo sau cùng.

2. Hiệp định này sẽ có hiệu lực thi hành:

(a) tại Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông:

đối với khoản thuế Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông, đối với các năm tính thuế bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 4 của năm dương lịch tiếp sau năm Hiệp định này có hiệu lực;

(b) tại Việt Nam:

(i) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan đến các khoản thu nhập được trả hoặc bị khấu trừ thuế vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng 01 của năm dương lịch tiếp sau năm Hiệp định này có hiệu lực; và

(ii) đối với các khoản thuế khác, liên quan đến các năm tính thuế bắt đầu vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng 01 của năm dương lịch tiếp sau năm Hiệp định này có hiệu lực.

Điều 29
Chấm dứt hiệu lực

Hiệp định này có hiệu lực cho đến khi một Bên ký kết chấm dứt hiệu lực. Từng Bên ký kết có thể chấm dứt hiệu lực Hiệp định bằng cách gửi cho Bên ký kết kia thông báo chấm dứt hiệu lực Hiệp định vào ngày hoặc trước ngày 30 tháng 6 của bất kỳ năm dương lịch nào bắt đầu từ sau thời hạn 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực.

Trong trường hợp này, Hiệp định sẽ hết hiệu lực thi hành:

(a) tại Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông:

đối với khoản thuế Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông, đối với các năm tính thuế bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 4 của năm dương lịch tiếp sau năm gửi thông báo kết thúc hiệu lực;

(b) tại Việt Nam:

(i) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan đến các khoản thu nhập chịu thuế được trả hoặc bị khấu trừ thuế vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng 01 của năm dương lịch tiếp sau năm dương lịch gửi thông báo kết thúc hiệu lực, và trong bất kỳ năm dương lịch tiếp theo; và

(ii) đối với các khoản thuế khác, liên quan đến thu nhập, lợi nhuận hoặc thu nhập từ chuyển nhượng tài sản phát sinh trong năm dương lịch tiếp sau năm dương lịch gửi thông báo kết thúc hiệu lực, và trong bất kỳ năm dương lịch tiếp theo.

ĐỂ LÀM BẰNG những người có tên dưới đây, được sự uỷ quyền hợp thức, đã ký vào Hiệp định này.

HIỆP ĐỊNH LÀM tại Hà Nội ngày 16 tháng 12 năm 2008, thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh, tất cả các văn bản đều có giá trị pháp lý ngang nhau./.

Thay mặt Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	**Thay mặt Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa**
Đỗ Hoàng Anh Tuấn Thứ trưởng Bộ Tài chính	**John C Tsang** Cục trưởng Tài chính

NGHỊ ĐỊNH THƯ

Tại thời điểm ký kết Hiệp định giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập ("Hiệp định"), các Bên ký kết đã thoả thuận các điều khoản dưới đây sẽ là một bộ phận hợp thành của Hiệp định.

1. Theo các nội dung của Điều 3 khoản 2 và trong trường hợp của Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông, thuật ngữ "tiền phạt hoặc lãi từ tiền cho vay" bao gồm, nhưng không giới hạn, bất kỳ số tiền nào được bổ sung vào thuế Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông vì lý do không trả được và truy thu sau đó, và số thuế được tính bổ sung vì sự vi phạm hoặc không tuân thủ các luật thuế của Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông.

2. Theo các nội dung của Điều 7 khoản 3, thuật ngữ "tổ chức ngân hàng" có nghĩa là, trong trường hợp của Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông, một tổ chức tài chính được định nghĩa theo Quy định về Tổng cục thu nội địa, Chương 112 của Luật Hồng Kông.

3. Theo các nội dung của Điều 13 khoản 4, thuật ngữ "tài sản" sẽ được hiểu là giá trị của tài sản, và thuật ngữ "chủ yếu" sẽ được hiểu là "không ít hơn 50 phần trăm".

ĐỂ LÀM BẰNG những người có tên dưới đây, được sự uỷ quyền hợp thức, đã ký vào Nghị định thư này.

NGHỊ ĐỊNH THƯ LÀM tại Hà Nội ngày 16 tháng 12 năm 2008, thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh, tất cả các văn bản đều có giá trị pháp lý ngang nhau./.

Thay mặt Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	**Thay mặt Chính quyền Khu Hành chính đặc biệt Hồng Kông của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa**
Đỗ Hoàng Anh Tuấn Thứ trưởng Bộ Tài chính	**John C Tsang** Cục trưởng Tài chính

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE HONG KONG SPECIAL ADMINISTRATIVE REGION OF THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA

FOR

THE AVOIDANCE OF DOUBLE TAXATION

AND

THE PREVENTION OF FISCAL EVASION

WITH RESPECT TO TAXES ON INCOME

The Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Hong Kong Special Administrative Region of the People's Republic of China,

Desiring to conclude an Agreement for the avoidance of double taxation and the prevention of fiscal evasion with respect to taxes on income,

Have agreed as follows:

Article 1
Persons Covered

This Agreement shall apply to persons who are residents of one or both of the Contracting Parties.

Article 2
Taxes Covered

1. This Agreement shall apply to taxes on income imposed on behalf of a Contracting Party, irrespective of the manner in which they are levied.

2. There shall be regarded as taxes on income all taxes imposed on total income, or on elements of income, including taxes on gains from the alienation of movable or immovable property, taxes on the total amounts of wages or salaries paid by enterprises, as well as taxes on capital appreciation.

3. The existing taxes to which this Agreement shall apply are:

   (a) in the case of the Hong Kong Special Administrative Region:

      (i) profits tax;

      (ii) salaries tax; and

      (iii) property tax,

   whether or not charged under personal assessment;

   (b) in the case of the Socialist Republic of Vietnam:

(i) business income tax; and

(ii) personal income tax.

4. This Agreement shall apply also to any identical or substantially similar taxes that are imposed after the date of signature of this Agreement in addition to, or in place of, the existing taxes, as well as any other taxes falling within paragraphs 1 and 2 of this Article which a Contracting Party may impose in future. The competent authorities of the Contracting Parties shall notify each other of any significant changes that have been made in their taxation laws.

5. The existing taxes, together with the taxes imposed after the signature of this Agreement, are hereinafter referred to as "Hong Kong Special Administrative Region tax" and "Vietnamese tax" respectively.

Article 3
General Definitions

1. For the purposes of this Agreement, unless the context otherwise requires:

(a) (i) the term "Hong Kong Special Administrative Region" means the Hong Kong Special Administrative Region of the People's Republic of China;

(ii) the term "Vietnam" means the Socialist Republic of Vietnam; when used in a geographical sense, it means its land territory, islands, internal waters, territorial sea and airspace above them, the maritime areas beyond territorial sea including seabed and subsoil thereof over which the Socialist Republic of Vietnam exercises sovereignty, sovereign rights and jurisdiction in accordance with national legislation and international law;

(b) the term "company" means any body corporate or any entity that is treated as a body corporate for tax purposes;

(c) the term "competent authority" means:

(i) in the case of the Hong Kong Special Administrative Region, the Commissioner of Inland Revenue or his authorized representative or any person or body authorized to perform any

functions at present exercisable by the Commissioner or similar functions;

(ii) in the case of Vietnam, the Minister of Finance or his authorized representative;

(d) the term "Contracting Party" means the Hong Kong Special Administrative Region or Vietnam, as the context requires;

(e) the terms "enterprise of a Contracting Party" and "enterprise of the other Contracting Party" mean, respectively, an enterprise carried on by a resident of a Contracting Party and an enterprise carried on by a resident of the other Contracting Party;

(f) the term "international traffic" means any transport by a ship or aircraft operated by an enterprise of a Contracting Party, except when the ship or aircraft is operated solely between places in the other Contracting Party;

(g) the term "national", in relation to Vietnam, means:

(i) any individual possessing the nationality of Vietnam; and

(ii) any legal person, partnership or association deriving its status as such from the laws in force in Vietnam;

(h) the term "person" includes an individual, a company, a trust, a partnership and any other body of persons;

(i) the term "tax" means the Hong Kong Special Administrative Region tax or Vietnamese tax, as the context requires.

2. In this Agreement, the terms "Hong Kong Special Administrative Region tax" and "Vietnamese tax" do not include any penalty or interest imposed under the laws in force in either Contracting Party relating to the taxes to which this Agreement applies by virtue of Article 2.

3. As regards the application of this Agreement at any time by a Contracting Party, any term not defined therein shall, unless the context otherwise requires, have the meaning that it has at that time under the laws of that Party for the purposes of the taxes to which this Agreement applies, any

meaning under the applicable tax laws of that Party prevailing over a meaning given to the term under other laws of that Party.

Article 4
Resident

1. For the purposes of this Agreement, the term "resident of a Contracting Party" means:

   (a) in the case of the Hong Kong Special Administrative Region,

      (i) any individual who ordinarily resides in the Hong Kong Special Administrative Region;

      (ii) any individual who stays in the Hong Kong Special Administrative Region for more than 180 days during a year of assessment or for more than 300 days in two consecutive years of assessment one of which is the relevant year of assessment;

      (iii) a company incorporated in the Hong Kong Special Administrative Region or, if incorporated outside the Hong Kong Special Administrative Region, being normally managed or controlled in the Hong Kong Special Administrative Region;

      (iv) any other person constituted under the laws of the Hong Kong Special Administrative Region or, if constituted outside the Hong Kong Special Administrative Region, being normally managed or controlled in the Hong Kong Special Administrative Region;

   (b) in the case of Vietnam, any person who, under the laws of Vietnam, is liable to tax therein by reason of his domicile, residence, place of incorporation, place of registration, place of management or any other criterion of a similar nature. This term, however, does not include any person who is liable to tax in Vietnam in respect only of income from sources in Vietnam.

2. Where by reason of the provisions of paragraph 1, an individual is a resident of both Contracting Parties, then his status shall be determined as follows:

(a) he shall be deemed to be a resident only of the Party in which he has a permanent home available to him; if he has a permanent home available to him in both Parties, he shall be deemed to be a resident only of the Party with which his personal and economic relations are closer ("centre of vital interests");

(b) if the Party in which he has his centre of vital interests cannot be determined, or if he has not a permanent home available to him in either Party, he shall be deemed to be a resident only of the Party in which he has an habitual abode;

(c) if he has an habitual abode in both Parties or in neither of them, he shall be deemed to be a resident only of the Party in which he has the right of abode (in the case of the Hong Kong Special Administrative Region) or of which he is a national (in the case of Vietnam);

(d) if he has the right of abode in the Hong Kong Special Administrative Region and is also a national of Vietnam, or if he does not have the right of abode in the Hong Kong Special Administrative Region nor is he a national of Vietnam, the competent authorities of the Contracting Parties shall settle the question by mutual agreement.

3. Where by reason of the provisions of paragraph 1 a person other than an individual is a resident of both Contracting Parties, then the competent authorities of the Contracting Parties shall determine that the person is a resident of a Contracting Party for the purposes of this Agreement by mutual agreement.

Article 5
Permanent Establishment

1. For the purposes of this Agreement, the term "permanent establishment" means a fixed place of business through which the business of an enterprise is wholly or partly carried on.

2. The term "permanent establishment" includes especially:

(a) a place of management;

(b) a branch;

(c) an office;

(d) a factory;

(e) a workshop;

(f) a mine, an oil or gas well, a quarry or any other place of extraction of natural resources;

(g) a warehouse, in relation to a person supplying storage facilities for others; and

(h) an installation structure, or equipment used for the exploration of natural resources.

3. The term "permanent establishment" also encompasses:

(a) a building site, a construction, assembly or installation project or supervisory activities in connection therewith, but only if such site, project or activities last more than six months;

(b) the furnishing of services, including consultancy services, by an enterprise through employees or other personnel engaged by the enterprise for such purpose, but only if activities of that nature continue (for the same or a connected project) within a Contracting Party for a period or periods aggregating more than 180 days within any twelve-month period.

4. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, the term "permanent establishment" shall be deemed not to include:

(a) the use of facilities solely for the purpose of storage or display of goods or merchandise belonging to the enterprise;

(b) the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of storage or display;

(c) the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of processing by another enterprise;

(d) the maintenance of a fixed place of business solely for the purpose of purchasing goods or merchandise or of collecting information, for the enterprise;

(e) the maintenance of a fixed place of business solely for the purpose of carrying on, for the enterprise, any other activity of a preparatory or auxiliary character.

5. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2, where a person - other than an agent of an independent status to whom paragraph 6 applies - is acting in a Contracting Party on behalf of an enterprise of the other Contracting Party, that enterprise shall be deemed to have a permanent establishment in the first-mentioned Contracting Party in respect of any activities which that person undertakes for the enterprise, if such a person:

(a) has, and habitually exercises, in the first-mentioned Contracting Party an authority to conclude contracts in the name of the enterprise, unless the activities of such person are limited to those mentioned in paragraph 4 which, if exercised through a fixed place of business, would not make this fixed place of business a permanent establishment under the provisions of that paragraph; or

(b) has no such authority, but habitually maintains in the first-mentioned Party a stock of goods or merchandise from which he regularly delivers goods or merchandise on behalf of the enterprise.

6. An enterprise shall not be deemed to have a permanent establishment in a Contracting Party merely because it carries on business in that Party through a broker, general commission agent or any other agent of an independent status, provided that such persons are acting in the ordinary course of their business. However, when the activities of such an agent are devoted wholly or almost wholly on behalf of that enterprise, and conditions are made or imposed between that enterprise and the agent in their commercial and financial relations which differ from those which would have been made between independent enterprises, he will not be considered an agent of an independent status within the meaning of this paragraph.

7. The fact that a company which is a resident of a Contracting Party controls or is controlled by a company which is a resident of the other Contracting Party, or which carries on business in that other Party (whether through a permanent establishment or otherwise), shall not of itself constitute either company a permanent establishment of the other.

Article 6
Income from Immovable Property

1. Income derived by a resident of a Contracting Party from immovable property (including income from agriculture or forestry) situated in the other Contracting Party may be taxed in that other Party.

2. The term "immovable property" shall have the meaning which it has under the laws of the Contracting Party in which the property in question is situated. The term shall in any case include property accessory to immovable property, livestock and equipment used in agriculture and forestry, rights to which the provisions of general law respecting landed property apply, usufruct of immovable property and rights to variable or fixed payments as consideration for the working of, or the right to explore for or work, mineral deposits, quarries, sources and other natural resources; ships, boats and aircraft shall not be regarded as immovable property.

3. The provisions of paragraph 1 shall apply to income derived from the direct use, letting, or use in any other form of immovable property.

4. The provisions of paragraphs 1 and 3 shall also apply to the income from immovable property of an enterprise and to income from immovable property used for the performance of independent personal services.

Article 7
Business Profits

1. The profits of an enterprise of a Contracting Party shall be taxable only in that Party unless the enterprise carries on business in the other Contracting Party through a permanent establishment situated therein. If the enterprise carries on business as aforesaid, the profits of the enterprise may be taxed in the other Party, but only so much of them as is attributable to:

   (a) that permanent establishment;

   (b) sales in that other Party of goods or merchandise of the same or similar kind as those sold through that permanent establishment; or

(c) other business activities carried on in that other Party of the same or similar kind as those effected through that permanent establishment;

provided that (b) or (c) shall not apply where an enterprise is able to demonstrate that the sales or business activities were carried out for reasons other than obtaining treaty benefits.

2. Subject to the provisions of paragraph 3, where an enterprise of a Contracting Party carries on business in the other Contracting Party through a permanent establishment situated therein, there shall in each Contracting Party be attributed to that permanent establishment the profits which it might be expected to make if it were a distinct and separate enterprise engaged in the same or similar activities under the same or similar conditions and dealing wholly independently with the enterprise of which it is a permanent establishment or with other enterprises with which it deals.

3. In determining the profits of a permanent establishment, there shall be allowed as deductions expenses which are incurred for the purposes of the business of the permanent establishment, including executive and general administrative expenses so incurred, whether in the Party in which the permanent establishment is situated or elsewhere. However, no such deduction shall be allowed in respect of amounts, if any, paid (otherwise than towards reimbursement of actual expenses) by the permanent establishment to the head office of the enterprise or any of its other offices, by way of royalties, fees or other similar payments in return for the use of patents or other rights, or by way of commission, for specific services performed or for management, or, except in the case of a banking enterprise, by way of interest on moneys lent to the permanent establishment. Likewise, no account shall be taken, in the determination of the profits of a permanent establishment, of amounts charged (otherwise than towards reimbursement of actual expenses) by the permanent establishment to the head office of the enterprise or any of its other offices, by way of royalties, fees or other similar payments in return for the use of patents or other rights, or by way of commission for specific services performed or for management, or, except in the case of a banking enterprise, by way of interest on moneys lent to the head office of the enterprise or any of its other offices.

4. Insofar as it has been customary in a Contracting Party to determine the profits to be attributed to a permanent establishment on the basis of an apportionment of the total profits of the enterprise to its various parts,

nothing in paragraph 2 shall preclude that Contracting Party from determining the profits to be taxed by such an apportionment as may be customary; the method of apportionment adopted shall, however, be such that the result shall be in accordance with the principles contained in this Article.

5. If the information available to the taxation authority of a Contracting Party is inadequate to determine the profits to be attributed to the permanent establishment of an enterprise, nothing in this Article shall affect the application of any law of that Contracting Party relating to the determination of the tax liability of a person provided that that law shall be applied in accordance with the principles of this Article, so far as the information available to the taxation authority permits.

6. For the purposes of the preceding paragraphs, the profits to be attributed to the permanent establishment shall be determined by the same method year by year unless there is good and sufficient reason to the contrary.

7. Where profits include items of income which are dealt with separately in other Articles of this Agreement, then the provisions of those Articles shall not be affected by the provisions of this Article.

Article 8
Shipping and Air Transport

1. Profits of an enterprise of a Contracting Party from the operation of ships or aircraft in international traffic shall be taxable only in that Party.

2. The provisions of paragraph 1 shall also apply to profits from the participation in a pool, a joint business or an international operating agency.

Article 9
Associated Enterprises

1. Where

   (a) an enterprise of a Contracting Party participates directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of the other Contracting Party; or

(b) the same persons participate directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of a Contracting Party and an enterprise of the other Contracting Party,

and in either case conditions are made or imposed between the two enterprises in their commercial or financial relations which differ from those which would be made between independent enterprises, then any profits which would, but for those conditions, have accrued to one of the enterprises, but, by reason of those conditions, have not so accrued, may be included in the profits of that enterprise and taxed accordingly.

2. Where a Contracting Party includes in the profits of an enterprise of that Party - and taxes accordingly - profits on which an enterprise of the other Contracting Party has been charged to tax in that other Party and the profits so included are profits which would have accrued to the enterprise of the first-mentioned Party if the conditions made between the two enterprises had been those which would have been made between independent enterprises, then that other Party shall make an appropriate adjustment to the amount of the tax charged therein on those profits. In determining such adjustment, due regard shall be had to the other provisions of this Agreement and for this purpose the competent authorities of the Contracting Parties shall if necessary consult each other.

Article 10
Dividends

1. Dividends paid by a company which is a resident of a Contracting Party to a resident of the other Contracting Party may be taxed in that other Party.

2. However, such dividends may also be taxed in the Contracting Party of which the company paying the dividends is a resident and according to the laws of that Party, but if the beneficial owner of the dividends is a resident of the other Contracting Party, the tax so charged shall not exceed 10 per cent of the gross amount of the dividends.

   This paragraph shall not affect the taxation of the company in respect of the profits out of which the dividends are paid.

3. The term "dividends" as used in this Article means income from shares or other rights, not being debt-claims, participating in profits, as well as income from other corporate rights which is subjected to the same

taxation treatment as income from shares by the laws of the Party of which the company making the distribution is a resident.

4. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the dividends, being a resident of a Contracting Party, carries on business in the other Contracting Party of which the company paying the dividends is a resident, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other Party independent personal services from a fixed base situated therein, and the holding in respect of which the dividends are paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case, the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

5. Where a company which is a resident of a Contracting Party derives profits or income from the other Contracting Party, that other Party may not impose any tax on the dividends paid by the company, except insofar as such dividends are paid to a resident of that other Party or insofar as the holding in respect of which the dividends are paid is effectively connected with a permanent establishment or a fixed base situated in that other Party, nor subject the company's undistributed profits to a tax on the company's undistributed profits, even if the dividends paid or the undistributed profits consist wholly or partly of profits or income arising in such other Party.

Article 11
Interest

1. Interest arising in a Contracting Party and paid to a resident of the other Contracting Party may be taxed in that other Party.

2. However, such interest may also be taxed in the Contracting Party in which it arises and according to the laws of that Party, but if the beneficial owner of the interest is a resident of the other Contracting Party, the tax so charged shall not exceed 10 per cent of the gross amount of the interest.

3. Notwithstanding the provisions of paragraph 2 of this Article,

   (a) interest arising in the Hong Kong Special Administrative Region shall be exempt from Hong Kong Special Administrative Region tax if the interest is paid to:

      (i) the Government of Vietnam;

(ii) the State Bank of Vietnam;

(iii) the Bank for Foreign Trade of Vietnam;

(iv) other financial institution the capital of which is wholly owned by the Government of Vietnam;

(v) a financial establishment appointed by the Government of Vietnam and mutually agreed upon by the competent authorities of the two Contracting Parties;

(b) interest arising in Vietnam shall be exempt from Vietnamese tax if the interest is paid to:

(i) the Government of the Hong Kong Special Administrative Region;

(ii) the Hong Kong Monetary Authority;

(iii) a financial establishment appointed by the Government of the Hong Kong Special Administrative Region and mutually agreed upon by the competent authorities of the two Contracting Parties.

4. The term "interest" as used in this Article means income from debt-claims of every kind, whether or not secured by mortgage, and whether or not carrying a right to participate in the debtor's profits, and in particular, income from government securities and income from bonds or debentures, including premiums and prizes attaching to such securities, bonds or debentures. Penalty charges for late payment shall not be regarded as interest for the purpose of this Article.

5. The provisions of paragraphs 1, 2 and 3 shall not apply if the beneficial owner of the interest, being the Government of a Contracting Party or a resident of that Party, carries on business in the other Contracting Party in which the interest arises, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other Party independent personal services from a fixed base situated therein and the debt-claim in respect of which the interest is paid is effectively connected with (a) such permanent establishment or fixed base, or with (b) business activities referred to in

(c) of paragraph 1 of Article 7. In such cases the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

6. Interest shall be deemed to arise in a Contracting Party when the payer is the Government of that Party or a resident of that Party. Where, however, the person paying the interest, whether he is the Government of a Contracting Party or a resident of that Party or not, has in a Contracting Party a permanent establishment or a fixed base in connection with which the indebtedness on which the interest is paid was incurred, and such interest is borne by such permanent establishment or fixed base, then such interest shall be deemed to arise in the Party in which the permanent establishment or fixed base is situated.

7. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the interest, having regard to the debt-claim for which it is paid, exceeds the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting Party, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

Article 12
Royalties

1. Royalties arising in a Contracting Party and paid to a resident of the other Contracting Party may be taxed in that other Party.

2. However, such royalties may also be taxed in the Contracting Party in which they arise and according to the laws of that Party, but if the beneficial owner of the royalties is a resident of the other Contracting Party, the tax so charged shall not exceed:

   (a) 7 per cent of the gross amount of the royalties if they are made as a consideration for the use of, or the right to use, any patent, design or model, plan, secret formula or process;

   (b) 10 per cent of the gross amount of the royalties in all other cases.

3. The term "royalties" as used in this Article means payments of any kind received as a consideration for the use of, or the right to use, any

copyright of literary, artistic or scientific work including cinematograph films, or films or tapes or discs used for radio or television broadcasting, any patent, trade mark, design or model, computer software program, plan, secret formula or process, or for the use of, or the right to use, industrial, commercial or scientific equipment, or for information concerning industrial, commercial or scientific experience.

4. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the royalties, being the Government of a Contracting Party or a resident of that Party, carries on business in the other Contracting Party in which the royalties arise, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other Party independent personal services from a fixed base situated therein, and the right or property in respect of which the royalties are paid is effectively connected with (a) such permanent establishment or fixed base, or with (b) business activities referred to in (c) of paragraph 1 of Article 7. In such cases the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

5. Royalties shall be deemed to arise in a Contracting Party when the payer is the Government of that Party or a resident of that Party. Where, however, the person paying the royalties, whether he is the Government of a Contracting Party or a resident of that Party or not, has in a Contracting Party a permanent establishment or a fixed base in connection with which the liability to pay the royalties was incurred, and such royalties are borne by such permanent establishment or fixed base, then such royalties shall be deemed to arise in the Party in which the permanent establishment or fixed base is situated.

6. Where, by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the royalties, having regard to the use, right or information for which they are paid, exceeds the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting Party, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

Article 13
Gains from the Alienation of Property

1. Gains derived by a resident of a Contracting Party from the alienation of immovable property referred to in Article 6 and situated in the other Contracting Party may be taxed in that other Party.

2. Gains from the alienation of movable property forming part of the business property of a permanent establishment which an enterprise of a Contracting Party has in the other Contracting Party or of movable property pertaining to a fixed base available to a resident of a Contracting Party in the other Contracting Party for the purpose of performing independent personal services, including such gains from the alienation of such a permanent establishment (alone or with the whole enterprise) or of such fixed base, may be taxed in that other Party.

3. Gains derived by an enterprise of a Contracting Party from the alienation of ships or aircraft operated in international traffic or movable property pertaining to the operation of such ships or aircraft shall be taxable only in that Party.

4. Gains derived by a resident of a Contracting Party from the alienation of shares of or comparable participation in a company, the assets of which consist, directly or indirectly, mainly of immovable property situated in the other Contracting Party may be taxed in that other Party.

5. Gains derived from the alienation of shares, other than the shares referred to in paragraph 4, of not less than 15 per cent of the entire shareholding of a company which is a resident of a Contracting Party may be taxed in that Contracting Party.

6. Gains from the alienation of any property, other than that referred to in paragraphs 1, 2, 3, 4 and 5, shall be taxable only in the Contracting Party of which the alienator is a resident.

Article 14
Independent Personal Services

1. Income derived by a resident of a Contracting Party in respect of professional services or other activities of an independent character shall be taxable only in that Party except in the following circumstances, when such income may also be taxed in the other Contracting Party:

(a) if he has a fixed base regularly available to him in the other Contracting Party for the purpose of performing his activities; in that case, only so much of the income as is attributable to that fixed base may be taxed in that other Contracting Party; or

(b) if his stay in the other Contracting Party is for a period or periods amounting to or exceeding in the aggregate 183 days in any twelve-month period commencing or ending in the fiscal year concerned; in that case, only so much of the income as is derived from his activities performed in that other Party may be taxed in that other Party.

2. The term "professional services" includes especially independent scientific, literary, artistic, educational or teaching activities as well as the independent activities of physicians, lawyers, engineers, architects, dentists and accountants.

Article 15
Dependent Personal Services

1. Subject to the provisions of Articles 16, 18, 19 and 20, salaries, wages and other similar remuneration derived by a resident of a Contracting Party in respect of an employment shall be taxable only in that Party unless the employment is exercised in the other Contracting Party. If the employment is so exercised, such remuneration as is derived therefrom may be taxed in that other Party.

2. Notwithstanding the provisions of paragraph 1, remuneration derived by a resident of a Contracting Party in respect of an employment exercised in the other Contracting Party shall be taxable only in the first-mentioned Party if:

(a) the recipient is present in the other Party for a period or periods not exceeding in the aggregate 183 days in any twelve-month period commencing or ending in the fiscal year concerned; and

(b) the remuneration is paid by, or on behalf of, an employer who is not a resident of the other Party; and

(c) the remuneration is not borne by a permanent establishment or a fixed base which the employer has in the other Party.

3. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, remuneration derived in respect of an employment exercised aboard a ship or aircraft operated in international traffic by an enterprise of a Contracting Party shall be taxable only in that Party.

Article 16
Directors' Fees

Directors' fees and other similar payments derived by a resident of a Contracting Party in his capacity as a member of the board of directors of a company which is a resident of the other Contracting Party may be taxed in that other Party.

Article 17
Artistes and Sportsmen

1. Notwithstanding the provisions of Articles 14 and 15, income derived by a resident of a Contracting Party as an entertainer, such as a theatre, motion picture, radio or television artiste, or a musician, or as a sportsman, from his personal activities as such exercised in the other Contracting Party, may be taxed in that other Party.

2. Where income in respect of personal activities exercised by an entertainer or a sportsman in his capacity as such accrues not to the entertainer or sportsman himself but to another person, that income may, notwithstanding the provisions of Articles 7, 14 and 15, be taxed in the Contracting Party in which the activities of the entertainer or sportsman are exercised.

3. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2, income derived by entertainers or sportsmen who are residents of a Contracting Party from activities in the other Contracting Party under a plan of cultural exchange between the Governments of both Contracting Parties shall be exempt from tax in that other Contracting Party.

Article 18
Pensions

1. Subject to the provisions of paragraph 2 of Article 19, pensions and other similar remuneration (including a lump sum payment) paid to a resident

of a Contracting Party in consideration of past employment or self-employment shall be taxable only in that Contracting Party.

2. Notwithstanding the provisions of paragraph 1, pensions and other payments (including a lump sum payment) made under a pension or retirement scheme which is:

(a) a public scheme which is part of the social security system of a Contracting Party; or

(b) an arrangement in which individuals may participate to secure retirement benefits and which is recognised for tax purposes in a Contracting Party,

shall be taxable only in that Contracting Party.

Article 19
Government Service

1. (a) Salaries, wages and other similar remuneration, other than a pension, paid by the Government of a Contracting Party to an individual in respect of services rendered to that Party shall be taxable only in that Party.

(b) However, such salaries, wages and other similar remuneration shall be taxable only in the other Contracting Party if the services are rendered in that other Party and the individual is a resident of that Party who:

(i) in the case of the Hong Kong Special Administrative Region, has the right of abode therein and in the case of Vietnam, is a national thereof; or

(ii) did not become a resident of that Party solely for the purpose of rendering the services.

2. (a) Any pension (including a lump sum payment) paid by, or out of funds created or contributed by, the Government of a Contracting Party to an individual in respect of services rendered to that Party shall be taxable only in that Party.

(b) However, such pension (including a lump sum payment) shall be taxable only in the other Contracting Party if the individual is a resident of that other Party and, in the case of the Hong Kong Special Administrative Region, has the right of abode therein and in the case of Vietnam, is a national thereof, and the pension (including a lump sum payment) is paid in respect of services referred to in sub-paragraph (b) of paragraph 1 of this Article.

3. The provisions of Articles 15, 16, 17 and 18 shall apply to salaries, wages and other similar remuneration, and to pensions (including a lump sum payment), in respect of services rendered in connection with a business carried on by the Government of a Contracting Party.

Article 20
Students

1. Payments which a student or business trainee or apprentice who is or was immediately before visiting a Contracting Party a resident of the other Contracting Party and who is present in the first-mentioned Party solely for the purpose of his education or training receives for the purpose of his maintenance, education or training shall not be taxed in that Party, provided that such payments arise from sources outside that Party.

2. Notwithstanding the provisions of Article 15, remuneration for services rendered by a student mentioned in the preceding paragraph in a Contracting Party shall not be taxed in that Party, provided that such services are in connection with his studies.

Article 21
Other Income

1. Items of income of a resident of a Contracting Party, wherever arising, not dealt with in the foregoing Articles of this Agreement shall be taxable only in that Party.

2. The provisions of paragraph 1 shall not apply to income, other than income from immovable property as defined in paragraph 2 of Article 6, if the recipient of such income, being a resident of a Contracting Party, carries on business in the other Contracting Party through a permanent establishment situated therein, or performs in that other Party independent personal services from a fixed base situated therein, and the right or property in respect of which the income is paid is effectively

connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

3. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2, items of income of a resident of a Contracting Party not dealt with in the foregoing Articles of this Agreement and arising in the other Contracting Party may also be taxed in that other Party.

Article 22
Methods for Elimination of Double Taxation

1. (a) In the case of the Hong Kong Special Administrative Region, subject to the provisions of the laws of the Hong Kong Special Administrative Region relating to the allowance of a credit against Hong Kong Special Administrative Region tax of tax paid in a jurisdiction outside the Hong Kong Special Administrative Region (which shall not affect the general principle of this Article), Vietnamese tax paid under the laws of Vietnam and in accordance with this Agreement, whether directly or by deduction, in respect of income derived by a person who is a resident of the Hong Kong Special Administrative Region from sources in Vietnam, shall be allowed as a credit against Hong Kong Special Administrative Region tax payable in respect of that income, provided that the credit so allowed does not exceed the amount of Hong Kong Special Administrative Region tax computed in respect of that income in accordance with the tax laws of the Hong Kong Special Administrative Region.

   (b) For the purpose of paragraph 1 (a) of this Article, the income tax paid in Vietnam shall be deemed to include any amount of tax which would have been payable as Vietnamese tax for any year but for an exemption from or a reduction of tax granted for that year or any part thereof as a result of the application of the provisions of Vietnamese law designed to extend time limited tax incentives to promote foreign investment for development purpose. The provision of this sub-paragraph shall only apply for a period of 10 years from the day on which this Agreement comes into effect according to paragraph 2 of Article 28.

2. (a) In the case of Vietnam, where a resident of Vietnam derives income, profits or gains which under the laws of the Hong Kong Special Administrative Region and in accordance with this Agreement may

be taxed in the Hong Kong Special Administrative Region, Vietnam shall allow as a credit against its tax on the income, profits or gains an amount equal to the tax paid in the Hong Kong Special Administrative Region. Such deduction shall not, however, exceed that part of the tax on income, profits or gains, as computed before the deduction is given, which is attributable to the income, profits or gains which may be taxed in the Hong Kong Special Administrative Region.

(b) Where, in accordance with any provision of this Agreement, income derived by a resident of Vietnam is exempt from tax in Vietnam, Vietnam may nevertheless, in calculating the amount of tax on the remaining income take into account the exempted income.

3. Where a company which is a resident of a Contracting Party pays dividends to a company which is a resident of the other Contracting Party and the latter company, directly or indirectly, controls not less than 10 per cent of the shares of the company which pays the dividends, the credit that the company which is a resident of that other Party is entitled to shall include the tax paid by the company which pays the dividends in respect of the profits from which such dividends are derived (but not exceeding the appropriate portion of profits incidental to the derivation of such dividends).

Article 23
Non-Discrimination

1. Persons who, in the case of the Hong Kong Special Administrative Region, have the right of abode or are incorporated or otherwise constituted therein, and, in the case of Vietnam, are Vietnam nationals, shall not be subjected in the other Contracting Party to any taxation or any requirement connected therewith, which is other or more burdensome than the taxation and connected requirements to which persons who have the right of abode or are incorporated or otherwise constituted in that other Party (where that other Party is the Hong Kong Special Administrative Region) or nationals of that other Party (where that other Party is Vietnam) in the same circumstances, in particular with respect to residence, are or may be subjected.

2. The taxation on a permanent establishment which an enterprise of a Contracting Party has in the other Contracting Party shall not be less

favourably levied in that other Party than the taxation levied on enterprises of that other Party carrying on the same activities.

3. Except where the provisions of paragraph 1 of Article 9, paragraph 7 of Article 11, or paragraph 6 of Article 12, apply, interest, royalties and other disbursements paid by an enterprise of a Contracting Party to a resident of the other Contracting Party shall, for the purpose of determining the taxable profits of such enterprise, be deductible under the same conditions as if they had been paid to a resident of the first-mentioned Party.

4. Enterprises of a Contracting Party, the capital of which is wholly or partly owned or controlled, directly or indirectly, by one or more residents of the other Contracting Party, shall not be subjected in the first-mentioned Party to any taxation or any requirement connected therewith which is other or more burdensome than the taxation and connected requirements to which other similar enterprises of the first-mentioned Party are or may be subjected.

5. Nothing contained in this Article shall be construed as obliging a Contracting Party to grant to residents of the other Contracting Party any personal allowances, reliefs and reductions for taxation purposes on account of civil status or family responsibilities which it grants to its own residents.

6. Notwithstanding the provisions of this Article, for so long as Vietnam continues to grant to investors licenses under the Law on Foreign Investment in Vietnam, which specify the taxation to which the investor shall be subjected, the imposition of such taxation shall not be regarded as breaching the terms of paragraphs 2 and 4 of this Article.

Article 24
Mutual Agreement Procedure

1. Where a person considers that the actions of one or both of the Contracting Parties result or will result for him in taxation not in accordance with the provisions of this Agreement, he may, irrespective of the remedies provided by the domestic laws of those Parties, present his case to the competent authority of the Contracting Party of which he is a resident or, if his case comes under paragraph 1 of Article 23, to that of the Contracting Party in which he has the right of abode or is incorporated or otherwise constituted (in the case of the Hong Kong Special

Administrative Region) or of which he is a national (in the case of Vietnam). The case must be presented within three years from the first notification of the action resulting in taxation not in accordance with the provisions of this Agreement.

2. The competent authority shall endeavour, if the objection appears to it to be justified and if it is not itself able to arrive at a satisfactory solution, to resolve the case by mutual agreement with the competent authority of the other Contracting Party, with a view to the avoidance of taxation which is not in accordance with this Agreement. Any agreement reached shall be implemented notwithstanding any time limits in the domestic laws of the Contracting Parties.

3. The competent authorities of the Contracting Parties shall endeavour to resolve by mutual agreement any difficulties or doubts arising as to the interpretation or application of this Agreement. They may also consult together for the elimination of double taxation in cases not provided for in this Agreement.

4. The competent authorities of the Contracting Parties may communicate with each other directly, including through a joint commission consisting of themselves or their representatives, for the purpose of reaching an agreement in the sense of the preceding paragraphs.

Article 25
Exchange of Information

1. The competent authorities of the Contracting Parties shall exchange such information as is necessary for carrying out the provisions of this Agreement or of the domestic laws of the Contracting Parties concerning taxes covered by this Agreement, insofar as the taxation thereunder is not contrary to this Agreement, as well as to prevent fiscal evasion in relation to such taxes. Any information received by a Contracting Party shall be treated as secret in the same manner as information obtained under the domestic laws of that Party and shall be disclosed only to persons or authorities (including courts and administrative bodies) concerned with the assessment or collection of, the enforcement or prosecution in respect of, or the determination of appeals in relation to, the taxes covered by this Agreement. Such persons or authorities shall use the information only for such purposes. They may disclose the information in public court proceedings, or in judicial decisions, including, in the case of the Hong Kong Special Administrative Region, the decisions of the Board of

Review. Information shall not be disclosed to any third jurisdiction for any purpose without the consent of the Contracting Party originally furnishing the information.

2. In no case shall the provisions of paragraph 1 be construed so as to impose on a Contracting Party the obligation:

   (a) to carry out administrative measures at variance with the laws and the administrative practice of that or of the other Contracting Party;

   (b) to supply information which is not obtainable under the laws or in the normal course of the administration of that or of the other Contracting Party;

   (c) to supply information which would disclose any trade, business, industrial, commercial or professional secret or trade process, or information, the disclosure of which would be contrary to public policy.

Article 26
Members of Government Missions

Nothing in this Agreement shall affect the fiscal privileges of members of government missions, including consular posts, under the general rules of international law or under the provisions of special agreements.

Article 27
Miscellaneous Rules

Nothing in this Agreement shall prejudice the right of each Contracting Party to apply its domestic laws and measures concerning tax avoidance, whether or not described as such.

Article 28
Entry into Force

1. Each of the Contracting Parties shall notify the other in writing of the completion of the procedures required by its laws for the bringing into force of this Agreement. This Agreement shall enter into force on the date of the later of these notifications.

2. The provisions of this Agreement shall have effect:

(a) in the Hong Kong Special Administrative Region:

in respect of Hong Kong Special Administrative Region tax, for any year of assessment beginning on or after 1 April in the calendar year next following that in which this Agreement enters into force;

(b) in Vietnam:

(i) with regard to taxes withheld at source, in respect of amounts paid or credited on or after 1 January in the calendar year next following that in which this Agreement enters into force; and

(ii) with regard to other taxes, in respect of taxable years beginning on or after 1 January in the calendar year next following that in which this Agreement enters into force.

Article 29
Termination

This Agreement shall remain in force until terminated by a Contracting Party. Either Contracting Party may terminate this Agreement by giving the other Contracting Party written notice of termination on or before 30 June in any calendar year beginning after the expiration of a period of five years from the date of its entry into force.

In such event, this Agreement shall cease to have effect:

(a) in the Hong Kong Special Administrative Region:

in respect of Hong Kong Special Administrative Region tax, for any year of assessment beginning on or after 1 April in the calendar year next following that in which the notice is given;

(b) in Vietnam:

(i) in respect of taxes withheld at source, in relation to taxable amount paid or credited on or after 1 January following the calendar year in which the notice of termination is given, and in any subsequent calendar years; and

(ii) in respect of other taxes, in relation to income, profits or gains arising in the calendar year following the calendar year in which the notice of termination is given, and in any subsequent calendar years.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, duly authorized thereto, have signed this Agreement.

DONE in duplicate at Hanoi this 16th day of December 2008 in the Vietnamese and English languages, both texts being equally authentic.

For the Government of the Socialist Republic of Vietnam	**For the Government of the Hong Kong Special Administrative Region of the People's Republic of China**
Do Hoang Anh Tuan Vice-Minister of Ministry of Finance	**John C Tsang** Financial Secretary

PROTOCOL

At the time of signing the Agreement between the Socialist Republic of Vietnam and the Hong Kong Special Administrative Region of the People's Republic of China for the avoidance of double taxation and the prevention of fiscal evasion with respect to taxes on income (the "Agreement"), the Contracting Parties have agreed upon the following provisions which shall form an integral part of the Agreement.

1. For the purposes of Article 3 paragraph 2 and in the case of the Hong Kong Special Administrative Region, the term "penalty or interest" includes, without limitation, any sum added to Hong Kong Special Administrative Region tax by reason of default and recovered therewith, and additional tax assessed for infringement of or failure to comply with its tax laws.

2. For the purposes of Article 7 paragraph 3, the term "banking enterprise" means, in the case of the Hong Kong Special Administrative Region, a financial institution as defined under the Inland Revenue Ordinance, Chapter 112 of the Laws of Hong Kong.

3. For the purposes of Article 13 paragraph 4, the term "assets" shall be read as the value of the assets, and the term "mainly" shall be read as "not less than 50 per cent".

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, duly authorized thereto, have signed this Protocol.

DONE in duplicate at Hanoi this 16th day of December 2008 in the Vietnamese and English languages, both texts being equally authentic.

For the Government of the Socialist Republic of Vietnam	**For the Government of the Hong Kong Special Administrative Region of the People's Republic of China**
Do Hoang Anh Tuan Vice-Minister of Ministry of Finance	**John C Tsang** Financial Secretary